

UBND HUYỆN CỬ CHI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ SÁT HẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN NĂM HỌC 2016-2017
(Sát hạch ngày 18 tháng 10 năm 2016)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm sát hạch	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
I. KHỐI MẦM NON												
1	1	Huỳnh Thị Tuyết Nhung	14/02/1995	x	GV mẫu giáo	MN An Nhơn Tây	7.81	7.81	93.00	342.20	Trúng tuyển	
2	2	Vương Mỹ Tiên	25/02/1990	x	GV mẫu giáo	MN An Nhơn Tây	6.8	6.5	84.43	301.86	Trúng tuyển	
3	4	Nguyễn Thị Trúc Phương	26/11/1990	x	GV mẫu giáo	MN An Nhơn Tây	6.7	5	66.43	249.86	Trúng tuyển	
4	3	Cao Thị Ngọc Lê	29/08/1992	x	GV mẫu giáo	MN An Nhơn Tây	6.57	6	40.57	206.84		
5	5	Phan Thị Nữ	17/03/1993	x	GV mẫu giáo	MN Phú Hòa Đông	6.72	6	61.29	249.77	Trúng tuyển	
6	6	Trần Thị Cẩm Giang	19/08/1993	x	GV mẫu giáo	MN Phước Vĩnh An	6.59	5.5	46.71	214.33		
7	7	Trần Thị Thu Vân	22/07/1995	x	GV mẫu giáo	MN Tân An Hội 1	7.8	7.8	84.71	325.43	Trúng tuyển	
8	8	Phan Thị Thanh Nhân	30/09/1985	x	GV mẫu giáo	MN Tân An Hội 1	6.58	5	57.29	230.37	Trúng tuyển	
9	11	Nguyễn Thị Thủy Tiên	19/12/1994	x	GV mẫu giáo	MN Tân Thạnh Đông	6.77	6.77	74.14	283.69	Trúng tuyển	
10	9	Nguyễn Thị Sinh Sinh	15/05/1992	x	GV mẫu giáo	MN Tân Thạnh Đông	7.08	7.08	70.14	281.89	Trúng tuyển	
11	10	Hà Thị Tuyết	05/03/1993	x	GV mẫu giáo	MN Tân Thạnh Đông	7.05	6.7	0.00	137.50		
12	12	Nguyễn Ngọc Giàu	13/09/1983	x	GV nhà trẻ	MN Tân Thạnh Tây	7.59	7.59	88.71	329.23	Trúng tuyển	
13	13	Nguyễn Thị Ngọc Thuận	07/11/1994	x	GV nhà trẻ	MN Tân Thạnh Tây	6.93	6.93	87.43	313.46	Trúng tuyển	
14	14	Võ Thị Hà	03/03/1985	x	GV mẫu giáo	MN Tân Thạnh Tây	6.99	7.25	91.14	324.69	Trúng tuyển	
15	15	Nguyễn Thị Phương Thảo	01/03/1995	x	GV mẫu giáo	MN Tân Thạnh Tây	6.87	6.87	86.71	310.83	Trúng tuyển	
16	16	Trần Thị Phương Thảo	23/01/1994	x	GV mẫu giáo	MN Tân Thạnh Tây	6.85	6.85	66.86	270.71	Trúng tuyển	
17	17	Nguyễn Thị Tuyền	20/07/1989	x	GV mẫu giáo	MN Tân Thạnh Tây	6.56	5	67.86	251.31	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm sát hạch	Tổng điểm	Kết quả	Gh. chú
18	19	Nguyễn Ái Trâm	20/07/1993	x	GV mẫu giáo	MN Tân Thông Hội 2	6.78	7.5	88.14	319.09	Trúng tuyển	
19	18	Phạm Thị Thu Huệ	18/11/1993	x	GV mẫu giáo	MN Tân Thông Hội 2	6.87	7.5	83.00	309.70	Trúng tuyển	
20	21	Võ Vương Phương Huỳnh	10/01/1993	x	GV mẫu giáo	MN Tân Thông Hội 3	6.72	6.5	96.14	324.49	Trúng tuyển	
21	20	Nguyễn Thị Ngọc Sương	01/11/1984	x	GV mẫu giáo	MN Tân Thông Hội 3	7.1	6.5	75.00	286.00	Trúng tuyển	
22	22	Danh Thị Thu Trang	26/02/1993	x	GV mẫu giáo	MN Tân Thông Hội 4	6.91	5.5	82.71	289.53	Trúng tuyển	
23	23	Đoàn Nguyễn Phương Uyên	13/04/1993	x	GV nhà trẻ	MN Thị Trấn Củ Chi 2	6.17	5	83.43	278.56	Trúng tuyển	
24	24	Đặng Thị Thùy Trang	08/02/1995	x	GV mẫu giáo	MN Thị Trấn Củ Chi 2	7.66	7.66	86.43	326.06	Trúng tuyển	
25	25	Võ Thị Thu Hằng	23/10/1990	x	GV mẫu giáo	MN Thị Trấn Củ Chi 2	7.6	7	83.71	313.43	Trúng tuyển	
26	26	Vò Thị Liễu	30/04/1993	x	GV mẫu giáo	MN Thị Trấn Củ Chi 2	6.54	5.5	82.71	285.83	Trúng tuyển	
27	27	Lâm Thị Cẩm Lai	01/01/1994	x	GV mẫu giáo	MN Trung An 2	6.92	6.92	67.29	272.97	Trúng tuyển	
28	29	Phan Thị Hồng Đào	10/08/1993	x	GV mẫu giáo	MN Trung Lập Thượng	8.07	8.07	86.71	334.83	Trúng tuyển	
29	30	Nguyễn Thị Trúc Ly	04/08/1995	x	GV mẫu giáo	MN Trung Lập Thượng	6.85	6.85	90.71	318.43	Trúng tuyển	
30	28	Võ Thị Cẩm Tiên	22/02/1994	x	GV mẫu giáo	MN Trung Lập Thượng	7.86	7.86	78.71	314.63	Trúng tuyển	
31	31	Phạm Thị Kim Anh	12/07/1992	x	GV mẫu giáo	MN Trung Lập Thượng	7.08	6	73.43	277.66	Trúng tuyển	
32	32	Phạm Thị Trúc Phương	26/11/1994	x	GV mẫu giáo	MN Trung Lập Thượng	7.07	5	65.57	251.84	Trúng tuyển	
II. KHỐI TIỂU HỌC												
33	1	Nguyễn Bảo Trân	04/02/1993	x	GV tiếng Anh	TH An Nhơn Đông	7.45	7.45	88.14	325.29	Trúng tuyển	
34	2	Nguyễn Thanh Điền	10/11/1980		GV mỹ thuật	TH An Nhơn Tây	7.48	6	74.29	283.37	Trúng tuyển	
35	3	Ngô Kim Khuyên	06/06/1985	x	GV tiếng Anh	TH An Nhơn Tây	5.96	5.75	40.00	197.10		
36	4	Lê Ngọc Trinh	31/05/1982	x	GV dạy nhiều môn	TH An Phú 1	6.85	5.5	94.14	311.79	Trúng tuyển	
37	5	Lê Thị Thanh Hương	17/10/1985	x	GV mỹ thuật	TH An Phước	7.76	7.76	0.00	155.20		
38	7	Bùi Ngọc Thùy Dương	30/04/1991	x	GV dạy nhiều môn	TH Bình Mỹ 2	6.47	5	62.14	238.99	Trúng tuyển	
39	6	Phan Thanh Hiền	14/06/1989	x	GV dạy nhiều môn	TH Bình Mỹ 2	6.3	5.5	46.14	210.29		
40	8	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	22/10/1995	x	GV dạy nhiều môn	TH Hòa Phú	7.97	7.97	94.71	348.83	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm sát hạch	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
41	11	Trần Thanh Phong	12/01/1985		GV dạy nhiều môn	TH Hòa Phú	6.28	5.5	95.43	308.66	Trúng tuyển	
42	9	Nguyễn Thị Thanh Trúc	08/11/1994	x	GV dạy nhiều môn	TH Hòa Phú	7.18	7.18	73.43	290.46	Trúng tuyển	
43	10	Trần Ngọc Thư	14/08/1988	x	GV dạy nhiều môn	TH Hòa Phú	6.72	6.5	56.00	244.20	Trúng tuyển	
44	12	Cao Thị Trang	20/04/1994	x	GV thể dục	TH Hòa Phú	7.57	8	64.29	284.27	Trúng tuyển	
45	13	Nguyễn Hà Thanh Vy	17/09/1994	x	GV tiếng Anh	TH Hòa Phú	6.96	6.96	80.71	300.63	Trúng tuyển	
46	14	Võ Thị Cẩm Hoa	17/06/1995	x	GV dạy nhiều môn	TH Liên Minh Công Nông	7.32	7.32	73.71	293.83	Trúng tuyển	
47	15	Trần Kim Thạnh	03/10/1992	x	GV dạy nhiều môn	TH Liên Minh Công Nông	6.56	5	78.29	272.17	Trúng tuyển	
48	16	Nguyễn Thị Thùy Linh	10/08/1982	x	GV dạy nhiều môn	TH Nhuận Đức	6.22	6	90.71	303.63	Trúng tuyển	
49	17	Văn Quý Bảo Long	09/04/1995		GV thể dục	TH Phạm Văn Cội	6.98	6.98	83.57	306.74	Trúng tuyển	
50	18	Tạ Phước Khánh Vân	04/03/1994	x	Thư viện viên	TH Phạm Văn Cội	7.15	7.15	96.43	335.86	Trúng tuyển	
51	19	Lê Thủy Nhân	26/09/1993	x	GV dạy nhiều môn	TH Phú Hòa Đông	7.7	7.7	73.86	301.71	Trúng tuyển	
52	20	Nguyễn Thị Ngọc Lan	19/11/1993	x	Thư viện viên	TH Phú Hòa Đông 2	6.72	6	67.14	261.49	Trúng tuyển	
53	21	Nguyễn Thị Thủy Tiên	06/02/1995	x	GV âm nhạc	TH Phú Hòa Đông 2	6.58	6.58	39.29	210.17		
54	22	Phạm Nhất Duy	20/02/1994		GV thể dục	TH Phú Mỹ Hưng	7.5	7.5	90.57	331.14	Trúng tuyển	
55	23	Nguyễn Hoàng Duy	02/03/1987		GV tin học	TH Phước Thạnh	6.56	6.9	98.29	331.17	Trúng tuyển	
56	24	Nguyễn Phước Sang	02/10/1993		GV mỹ thuật	TH Phước Vĩnh An	7.87	7.5	98.71	351.13	Trúng tuyển	
57	25	Huỳnh Như	20/08/1995	x	GV dạy nhiều môn	TH Phước Vĩnh An	7.52	7.52	77.86	306.11	Trúng tuyển	
58	26	Nguyễn Minh Thiện	26/08/1979		GV dạy nhiều môn	TH Phước Vĩnh An	6.16	5	51.43	214.46	Trúng tuyển	
59	27	Mai Thị Ngọc Thúy	24/12/1985	x	GV dạy nhiều môn	TH Tân Phú	6.29	5.5	74.86	267.61	Trúng tuyển	
60	28	Nguyễn Anh Khương	31/12/1988		GV dạy nhiều môn	TH Tân Phú	6.49	5	0.00	114.90		
61	29	Nguyễn Nghĩa Hùng	24/11/1994		GV thể dục	TH Tân Phú	7.97	7.97	97.00	353.40	Trúng tuyển	
62	30	Nguyễn Thị Oanh	17/09/1991	x	Thư viện viên	TH Tân Phú	7.12	7	0.00	141.20		
63	31	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	25/03/1995	x	GV dạy nhiều môn	TH Tân Phú Trung	7.57	7.57	90.71	332.83	Trúng tuyển	
64	33	Nguyễn Thị Thu Trang	16/12/1993	x	GV dạy nhiều môn	TH Tân Phú Trung	6.67	5.5	92.14	305.99	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm sát hạch	Tổng điểm	Kết quả	Gh. chú
65	34	Lê Thị Minh Trâm	24/02/1991	x	GV dạy nhiều môn	TH Tân Phú Trung	6.46	5	90.71	296.03	Trúng tuyển	
66	35	Lê Võ Tường Vân	16/12/1991	x	GV dạy nhiều môn	TH Tân Phú Trung	6.25	5	88.29	289.07	Trúng tuyển	
67	36	Trần Anh Tài	06/11/1980		GV dạy nhiều môn	TH Tân Phú Trung	5.98	5	78.57	266.94	Trúng tuyển	
68	32	Nguyễn Thị Ngọc Châu	21/10/1993	x	GV dạy nhiều môn	TH Tân Phú Trung	7.35	7.35	0.00	147.00		
69	38	Thái Kim Tiên	28/12/1995	x	GV thể dục	TH Tân Thành	7.81	7.81	85.43	327.06	Trúng tuyển	
70	37	Hồ Đắc Ân	01/06/1991		GV thể dục	TH Tân Thành	7.52	9	63.43	292.06	Trúng tuyển	
71	39	Phạm Thị Thanh Dung	24/08/1990	x	GV mỹ thuật	TH Tân Thành	7.82	7	94.43	337.06	Trúng tuyển	
72	40	Lê Nguyễn Thúy Vân	10/08/1995	x	GV dạy nhiều môn	TH Tân Thạnh Đông	7.66	7.66	82.14	317.49	Trúng tuyển	
73	41	Hồ Linh Huệ	14/05/1990	x	GV dạy nhiều môn	TH Tân Thạnh Đông 3	6.56	5	86.43	288.46	Trúng tuyển	
74	42	Lê Thị Kim Thùy	19/02/1993	x	GV tiếng Anh	TH Tân Thạnh Đông 3	6.45	6.45	90.29	309.57	Trúng tuyển	
75	43	Phan Thị Tuyết	17/04/1982	x	GV mỹ thuật	TH Tân Thông	8.02	7.5	70.71	296.63	Trúng tuyển	
76	44	Phạm Thị Huỳnh Như	16/09/1993	x	GV tiếng Anh	TH Tân Thông Hội	6.54	6.54	87.00	304.80	Trúng tuyển	
77	45	Hồ Lệ Uyên	27/04/1994	x	GV tiếng Anh	TH Tân Tiến	6.66	6.66	69.86	272.91	Trúng tuyển	
78	46	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	24/06/1994	x	GV dạy nhiều môn	TH Thái Mỹ	8.24	8.24	79.71	324.23	Trúng tuyển	
79	47	Lê Ngọc Anh	13/10/1994	x	GV tiếng Anh	TH Thái Mỹ	6.47	6.47	51.43	232.26	Trúng tuyển	
80	49	Lê Thị Mỹ Duyên	17/09/1992	x	GV thể dục	TH Thị Trấn Củ Chi	6.96	6.96	90.00	319.20	Trúng tuyển	
81	48	Nguyễn Thảo Tâm	25/03/1995		GV thể dục	TH Thị Trấn Củ Chi	7.19	7.19	81.71	307.23	Trúng tuyển	
82	50	Trần Thị Mai Lý	29/01/1993	x	GV tiếng Anh	TH Thị Trấn Củ Chi	7.01	7.01	77.71	295.63	Trúng tuyển	
83	51	Nguyễn Ngọc Ngôn	29/10/1995	x	GV mỹ thuật	TH Thị Trấn Củ Chi	7.85	7.85	82.86	322.71	Trúng tuyển	
84	52	Nguyễn Hoàng Phúc	23/04/1994		GV âm nhạc	TH Thị Trấn Củ Chi	8.17	8.17	99.14	361.69	Trúng tuyển	
85	53	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	27/02/1994	x	GV dạy nhiều môn	TH Trần Văn Châm	8.28	8.28	98.71	363.03	Trúng tuyển	
86	54	Lê Thị Kiều Ngân	05/01/1985	x	GV dạy nhiều môn	TH Trần Văn Châm	6.78	5	85.43	288.66	Trúng tuyển	
87	55	Trần Thị Thúy Ngân	12/07/1989	x	GV dạy nhiều môn	TH Trần Văn Châm	6.59	5	75.71	267.33	Trúng tuyển	
88	56	Nguyễn Thị Lệ Quyên	16/03/1995	x	GV dạy nhiều môn	TH Trung Lập Hạ	7.15	8	78.29	308.07	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm sát hạch	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
89	57	Đỗ Đăng Thế Anh	02/11/1977		GV dạy nhiều môn	TH Trung Lập Hạ	6.03	5.5	64.00	243.30	Trúng tuyển	
90	58	Hồ Mỹ Phụng	15/04/1995	x	GV dạy nhiều môn	TH-THCS Tân Trung	7.85	7.85	97.43	351.86	Trúng tuyển	
91	60	Lê Đăng Thiên Trang	18/10/1994	x	GV dạy nhiều môn	TH-THCS Tân Trung	6.81	6.81	95.29	326.77	Trúng tuyển	
92	59	Trần Thị Thùy Dung	26/10/1994	x	GV dạy nhiều môn	TH-THCS Tân Trung	7.06	7.06	91.43	324.06	Trúng tuyển	
93	62	Cao Thị Diễm Thúy	15/01/1987	x	GV dạy nhiều môn	TH-THCS Tân Trung	6.39	5	79.71	273.33	Trúng tuyển	
94	63	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	29/12/1985	x	GV dạy nhiều môn	TH-THCS Tân Trung	6.01	5	54.00	218.10	Trúng tuyển	
95	61	Nguyễn Thị Diễm My	25/01/1990	x	GV dạy nhiều môn	TH-THCS Tân Trung	6.67	6	48.57	223.84		
III. KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ												
96	1	Phạm Thanh Phong	25/01/1993		GV tin học	THCS An Nhơn Tây	7.04	7.04	80.40	301.60	Trúng tuyển	
97	2	Trương Ngọc Bảo Ân	22/01/1989		GV tin học	THCS Bình Hòa	6.69	6.5	55.00	241.90	Trúng tuyển	
98	5	Phạm Thị Thúy Diễm	23/08/1982	x	GV ngữ văn	THCS Bình Hòa	6.91	6.91	66.00	270.20	Trúng tuyển	
99	4	Nguyễn Thị Ánh Thi	12/02/1993	x	GV ngữ văn	THCS Bình Hòa	6.28	6.28	61.00	247.60		
100	3	Trần Thúy Hà	30/07/1992	x	GV ngữ văn	THCS Bình Hòa	6.49	6.49	29.00	187.80		
101	7	Nguyễn Hoàng Sơn	24/06/1995		GV tiếng Anh	THCS Bình Hòa	7.73	7.73	80.60	315.80	Trúng tuyển	
102	6	Đinh Thị Thùy Dung	08/04/1994	x	GV tiếng Anh	THCS Bình Hòa	6.75	6.75	61.00	257.00		
103	8	Châu Bảo Trân	25/08/1994	x	GV tiếng Anh	THCS Hòa Phú	6.92	6.92	59.40	257.20	Trúng tuyển	
104	9	Cao Thị Ánh Ngọc	02/03/1989	x	GV hóa học	THCS Nguyễn Văn Xơ	7.9	7.9	0.00	158.00		
105	10	Phạm Hoàng Quốc	22/02/1991		GV hóa học	THCS Nguyễn Văn Xơ	7.43	7.43	0.00	148.60		
106	11	Nguyễn Thị Thanh Thúy	20/03/1987	x	GV KTNC	THCS Nhuận Đức	7.03	7	70.00	280.30	Trúng tuyển	
107	12	Hồ Hữu Hiệp	12/12/1994		GV thể dục	THCS Phú Hòa Đông	8.32	8.32	85.00	336.40	Trúng tuyển	
108	13	Trần Thanh Dân	26/07/1991		GV tin học	THCS Phú Hòa Đông	5.8	7	50.00	228.00	Trúng tuyển	
109	14	Trần Thị Thanh Vy	24/04/1992	x	GV địa lý	THCS Phước Hiệp	6.91	6.91	69.80	277.80	Trúng tuyển	
110	15	Trần Đình Trung	30/12/1990		GV toán học	THCS Phước Vĩnh An	6.55	7	79.40	294.30	Trúng tuyển	
111	16	Nguyễn Tuấn Đạt	14/10/1989		GV toán học	THCS Tân An Hội	6.67	6.67	50.00	233.40	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm sát hạch	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
112	17	Lâm Thị Cẩm Tiên	18/11/1994	x	GV mỹ thuật	THCS Tân An Hội	6.93	8	55.00	259.30	Trúng tuyển	
113	18	Trần Thị Mai Trâm	03/03/1993	x	GV lịch sử	THCS Tân Phú Trung	7.48	7.48	90.00	329.60	Trúng tuyển	
114	19	Lương Thị Tôn	08/09/1992	x	GV lịch sử	THCS Tân Phú Trung	7.08	7.08	88.40	318.40		
115	20	Thái Kim Quyên	17/06/1994	x	GV lịch sử	THCS Tân Phú Trung	7.02	7.02	85.20	310.80		
116	21	Phạm Thị Vân	07/10/1987	x	GV sinh học	THCS Tân Phú Trung	7.05	8.5	72.00	299.50	Trúng tuyển	
117	22	Nguyễn Thị Thúy Vy	28/05/1994	x	GV tiếng Anh	THCS Tân Phú Trung	6.89	6.89	75.00	287.80	Trúng tuyển	
118	23	Đặng Thúy An	07/05/1992	x	GV tiếng Anh	THCS Tân Phú Trung	5.79	5.79	50.00	215.80	Trúng tuyển	
119	24	Trần Thái Thanh	18/07/1989		GV thể dục	THCS Tân Phú Trung	7.24	7.24	50.00	244.80	Trúng tuyển	
120	25	Nguyễn Hoàng Ân	10/10/1991		GV tin học	THCS Tân Phú Trung	7	8.28	61.00	274.80	Trúng tuyển	
121	26	Lê Trọng Nhật	01/02/1991		GV toán học	THCS Tân Phú Trung	6.33	6.33	73.00	272.60	Trúng tuyển	
122	27	Nguyễn Mạnh Hùng	17/07/1987		GV toán học	THCS Tân Phú Trung	6.97	8.5	60.00	274.70	Trúng tuyển	
123	28	Tạ Thị Quế Hương	18/04/1995	x	GV KTNN	THCS Tân Phú Trung	7.24	7.24	37.00	218.80		
124	29	Nguyễn Thanh Hải	19/03/1991	x	GV sinh học	THCS Tân Thạnh Đông	7.14	7.14	79.00	300.80	Trúng tuyển	
125	30	Nguyễn Bá Hòa	07/12/1994		GV sinh học	THCS Tân Thạnh Đông	7.05	7.05	69.60	280.20	Trúng tuyển	
126	31	Trương Thanh Tú	15/07/1992		GV thể dục	THCS Tân Thạnh Đông	6.85	6.85	87.00	311.00	Trúng tuyển	
127	32	Nguyễn Khánh Duy	25/01/1994		GV tiếng Anh	THCS Tân Thạnh Đông	6.52	6.52	61.00	252.40	Trúng tuyển	
128	33	Trương Nguyễn Hoài Thơ	22/09/1994	x	GV tiếng Anh	THCS Tân Thạnh Đông	6.33	6.33	0.00	126.60		
129	34	Nguyễn Xuân Vĩnh	22/04/1989		GV toán học	THCS Tân Thạnh Đông	8.2	9.4	69.00	314.00	Trúng tuyển	
130	37	Trịnh Cẩm Vân	01/06/1988	x	GV toán học	THCS Tân Thạnh Đông	7.18	7.18	80.60	304.80	Trúng tuyển	
131	38	Phan Thị Cẩm Nhung	29/06/1992	x	GV toán học	THCS Tân Thạnh Đông	7.18	7.18	75.40	294.40	Trúng tuyển	
132	36	Lưu Ngọc Hiếu	25/08/1994		GV toán học	THCS Tân Thạnh Đông	7.41	7.41	72.00	292.20	Trúng tuyển	
133	35	Bùi Mai Ngân	08/06/1994	x	GV toán học	THCS Tân Thạnh Đông	6.87	9.1	58.00	275.70	Trúng tuyển	
134	39	Trần Minh Cường	03/03/1992		GV thể dục	THCS Tân Thạnh Tây	7.51	7.51	53.00	256.20	Trúng tuyển	
135	40	Vũ Thị Duyên	27/10/1990	x	GV toán học	THCS Tân Thông Hội	7.49	9.1	83.60	333.10	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm sát hạch	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
136	41	Trương Thị My	02/10/1989	x	GV toán học	THCS Tân Thông Hội	7.42	7.42	83.00	314.40	Trúng tuyển	
137	42	Nghiêm Hồng Hạnh	12/11/1994	x	GV toán học	THCS Tân Thông Hội	7.05	7.05	0.00	141.00		
138	43	Hoàng Thị Trâm	16/12/1993	x	GV sinh học	THCS Tân Thông Hội	6.26	6.26	69.60	264.40	Trúng tuyển	
139	45	Lê Ngọc Lan Anh	20/04/1994	x	GV thể dục	THCS Tân Thông Hội	7.02	7.02	74.00	288.40	Trúng tuyển	
140	44	Nguyễn Lê Phương	02/06/1993		GV thể dục	THCS Tân Thông Hội	7.39	7.39	50.00	247.80		
141	46	Trần Văn Cảnh	18/10/1980		Thư viện viên	THCS Tân Thông Hội	6.11	6.11	0.00	122.20		
142	47	Đinh Xuân Hùng	29/07/1991		GV hóa học	THCS Tân Tiến	7.46	7.46	0.00	149.20		
143	48	Phạm Ngọc Lài	03/08/1995	x	GV tiếng Anh	THCS Thị Trấn Củ Chi	7.82	7.82	77.80	312.00	Trúng tuyển	
144	49	Thái Ngọc Thùy	01/02/1994	x	GV tiếng Anh	THCS Thị Trấn Củ Chi	7.55	7.55	77.60	306.20		
145	50	Nguyễn Thị Thanh Hòa	13/12/1988	x	GV sinh học	THCS Thị Trấn Củ Chi	7.49	7	88.80	322.50	Trúng tuyển	
146	51	Lương Thị Ngọc Diễm	19/01/1991	x	GV tin học	THCS Thị Trấn Củ Chi	6.86	6.86	68.80	274.80	Trúng tuyển	
147	52	Lê Quang Tâm	20/01/1988		GV tin học	THCS Thị Trấn Củ Chi	6.4	6.4	56.20	240.40	Trúng tuyển	
148	53	Nguyễn Thị Hà	08/07/1991	x	GV tâm lý	THCS Thị Trấn Củ Chi	8.24	9.5	66.20	309.80	Trúng tuyển	
149	54	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	03/08/1993	x	GV mỹ thuật	THCS Trung An	7.95	8	74.20	307.90	Trúng tuyển	
150	58	Nguyễn Ngọc Hân	07/10/1994	x	GV ngữ văn	THCS Trung Lập Hạ	6.85	6.85	89.00	315.00	Trúng tuyển	
151	56	Hồ Thị Hoàng Thúy Hằng	20/03/1994	x	GV ngữ văn	THCS Trung Lập Hạ	7.14	7.14	77.60	298.00		
152	55	Võ Thị Ngân	02/03/1993	x	GV ngữ văn	THCS Trung Lập Hạ	7.81	7.81	63.00	282.20		
153	57	Nguyễn Thị Tuyết Trang	06/06/1994	x	GV ngữ văn	THCS Trung Lập Hạ	6.94	6.94	0.00	138.80		
154	59	Văn Thị Mỹ Duyên	13/03/1994	x	GV tâm lý	THCS Trung Lập Hạ	7.94	7.94	79.20	317.20	Trúng tuyển	
155	60	Nguyễn Hữu Vạn	16/03/1993		GV thể dục	THCS Trung Lập Hạ	6.63	6.63	60.80	254.20	Trúng tuyển	
156	61	Nguyễn Tất Hào	02/09/1994		GV tiếng Anh	THCS Trung Lập Hạ	6.98	6.98	51.20	242.00	Trúng tuyển	
157	62	Nguyễn Liêu	22/10/1990	x	GV sinh học	THCS Trung Lập Hạ	7.39	7.39	84.60	317.00	Trúng tuyển	
158	63	Nguyễn Trần Minh Đan	15/02/1994	x	GV tin học	THCS Trung Lập Hạ	6.32	6.32	55.40	237.20	Trúng tuyển	
159	65	Lê Hồ Ngọc Kim	06/11/1990	x	GV toán học	THCS Trung Lập Hạ	7.37	7.37	85.60	318.60	Trúng tuyển	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm sát hạch	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
160	64	Trương Thị Quỳnh	28/05/1993	x	GV toán học	THCS Trung Lập Hạ	7.47	7.47	0.00	149.40		
161	69	Hà Ngọc Anh Thi	13/05/1994	x	GV giáo dục công dân	TH-THCS Tân Trung	6.74	6.74	46.60	228.00		
162	67	Hồ Thị Bích Trâm	24/04/1993	x	GV giáo dục công dân	TH-THCS Tân Trung	7.22	7.22	41.40	227.20		
163	66	Nguyễn Thị Hồng Nhung	14/12/1995	x	GV giáo dục công dân	TH-THCS Tân Trung	7.24	7.24	22.80	190.40		
164	68	Nguyễn Thị Thùy Dương	21/11/1994	x	GV giáo dục công dân	TH-THCS Tân Trung	7.18	7.18	0.00	143.60		
165	70	Trần Lê Liễu Thanh	08/05/1993	x	GV hóa học	TH-THCS Tân Trung	7.19	7.19	84.40	312.60	Trúng tuyển	
166	71	Nguyễn Văn Hưng	25/05/1987		GV hóa học	TH-THCS Tân Trung	6.66	6.66	53.40	240.00		
167	72	Dư Cẩm Hồng	17/09/1978	x	GV KTNC	TH-THCS Tân Trung	6.37	7.5	43.80	226.30		
168	73	Trần Trung Nhân	27/05/1992		GV thể dục	TH-THCS Tân Trung	6.95	6.95	55.00	249.00	Trúng tuyển	
169	74	Nguyễn Thành Phát	17/02/1994		GV thể dục	TH-THCS Tân Trung	6.79	6.79	15.80	167.40		
170	75	Phạm Thị Hà Anh	11/12/1990	x	GV toán học	TH-THCS Tân Trung	6.92	9.5	88.60	341.40	Trúng tuyển	
171	77	Phạm Văn Phúc	24/08/1988		GV toán học	TH-THCS Tân Trung	7.2	7.2	74.00	292.00	Trúng tuyển	
172	76	Trần Thị Huệ	12/06/1993	x	GV toán học	TH-THCS Tân Trung	7.44	7.44	60.40	269.60	Trúng tuyển	
173	78	Trần Văn Tới	20/09/1987		GV toán học	TH-THCS Tân Trung	6.15	7	0.00	131.50		
174	79	Mai Thị Huyền Trang	02/09/1990	x	GV vật lý	TH-THCS Tân Trung	7.89	9.9	89.60	357.10	Trúng tuyển	
175	87	Trịnh Thị Bé Chính	18/03/1987	x	GV vật lý	TH-THCS Tân Trung	6.86	7	93.60	325.80		
176	82	Nguyễn Huỳnh Thanh Trúc	13/10/1995	x	GV vật lý	TH-THCS Tân Trung	7.48	7.48	86.20	322.00		
177	86	Nguyễn Đức Trọng	12/01/1994		GV vật lý	TH-THCS Tân Trung	6.96	6.96	83.00	305.20		
178	85	Nguyễn Huỳnh Trúc Linh	20/10/1991	x	GV vật lý	TH-THCS Tân Trung	7.02	7.02	74.40	289.20		
180	81	Phạm Thị Kim Tuyền	05/03/1992	x	GV vật lý	TH-THCS Tân Trung	7.61	7.61	67.80	287.80		
181	80	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	24/05/1995	x	GV vật lý	TH-THCS Tân Trung	7.8	7.8	63.00	282.00		
182	88	Lê Thị Hoài Liễu	12/08/1990	x	GV vật lý	TH-THCS Tân Trung	6.89	6.89	71.20	280.20		
179	90	Trần Thị Như Hoa	11/07/1985	x	GV vật lý	TH-THCS Tân Trung	6.6	5.5	78.60	278.20		
183	83	Lê Thị Ngọc Linh	10/01/1991	x	GV vật lý	TH-THCS Tân Trung	7.29	7.29	59.60	265.00		

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Điểm học tập	Điểm tốt nghiệp	Điểm sát hạch	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
184	89	Trần Duy Trinh	25/10/1991		GV vật lý	TH-THCS Tân Trung	6.35	6.35	64.40	255.80		
185	91	Lê Thị Hoàng Yến	15/04/1991	x	GV vật lý	TH-THCS Tân Trung	6.2	5	53.80	219.60		
186	84	Tăng Thị Hòa	04/10/1993	x	GV vật lý	TH-THCS Tân Trung	7.04	7.04	0.00	140.80		
187	92	Nguyễn Thị Bảnh	16/06/1991	x	GV lịch sử	TH-THCS Tân Trung	7.71	7.71	88.80	331.80	Trúng tuyển	
188	93	Nguyễn Thị Ngân	25/11/1982	x	GV lịch sử	TH-THCS Tân Trung	7.05	8.33	76.20	306.20		
189	94	Ngô Thị Tâm	07/07/1994	x	GV sinh học	TH-THCS Tân Trung	8.63	9.4	93.20	366.70	Trúng tuyển	
190	95	Nguyễn Thị Thùy Linh	24/04/1988	x	Thư viện viên	TH-THCS Tân Trung	7.7	8	63.40	283.80	Trúng tuyển	
- Tổng cộng: 190 trường hợp - Trúng tuyển: 140 trường hợp												

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG



PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
Phạm Thị Thanh Hiền

